



<p>Thông tin cơ bản cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lãi cơ bản/cổ phiếu: 1.116 đồng • Số lượng cổ phiếu lưu hành: 391.334.260 cổ phiếu. • Khối lượng giao dịch bình quân/ngày: 3.004.846 cổ phiếu. • Giá cổ phiếu đóng cửa (30/6/2024): 36.100 đồng. • Tỷ lệ chi trả cổ tức (tiền mặt) năm 2024: 1.500 đồng/cổ phiếu. 	<p>Cơ cấu cổ đông chủ chốt (03.2024):</p> <ul style="list-style-type: none"> • PetroVietnam: 59,59% • Nhóm cổ đông VTNN Nghệ An: 6% • Tỷ lệ sở hữu cổ đông tổ chức nước ngoài: 8.6%
---	---

I. THÔNG DIỆP GỬI NHÀ ĐẦU TƯ

Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí- CTCP (“PVFCCo” hay “Tổng công ty” – Mã chứng khoán DPM) công bố hoạt động sản xuất kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2024 chuyển biến tích cực và đạt kết quả tốt hơn kỳ vọng nhờ thực hiện linh hoạt và đồng bộ nhiều giải pháp quản trị và điều hành, tận dụng tốt các yếu tố thị trường thuận lợi để gia tăng sản lượng, tối ưu chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chung.

Trong nửa đầu năm 2024, thị trường phân bón trong nước và quốc tế diễn biến khả quan, giá bán các loại phân bón cải thiện trong Quý 2 sau giai đoạn suy giảm trong Quý 1, phản ánh cung nhu cầu cải thiện trong bối cảnh Trung Quốc tiếp tục duy trì chính sách hạn chế xuất khẩu Urea và một số khu vực khác phải cắt giảm công suất hoạt động để bảo trì và do thiếu hụt nguồn khí.

Nhu cầu và giá bán nông sản tăng cao đã hỗ trợ giá bán các loại phân bón tăng trong Quý 2. Giá bán trung bình Urea tại thời điểm cuối tháng 6/đầu tháng 7 hồi phục về mức 321USD/tấn FoB so với mức 308 USD/tấn ở thời điểm cuối năm 2023 và tăng khoảng 14% so với cùng kỳ năm ngoái (281 USD/tấn FoB).

Đối với thị trường trong nước, sức mua trong Quý 2 cao hơn so với Quý 1 nhằm đáp ứng nhu cầu mùa vụ khi khu vực miền nam bước vào mùa mưa sau giai đoạn nắng nóng kéo dài. Ngoài ra, giá nông sản một số mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh theo giá thế giới đã hỗ trợ cải thiện đáng kể khả năng chi trả của nông dân.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nổi bật và các chỉ tiêu tài chính Quý 2 và 6 tháng đầu năm

Trong bối cảnh thị trường diễn biến khả quan cùng với nỗ lực tăng cường quản trị hệ thống, tận dụng tốt các cơ hội trong sản xuất – kinh doanh, kết quả hoạt động Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2024 của PVFCCo đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực và tốt hơn kỳ vọng.

Chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh nổi bật:

Urea Phú Mỹ:

Sản lượng sản xuất Urea Phú Mỹ trong Quý 2 đạt 219 nghìn tấn, tăng 30% so với cùng kỳ (do cùng kỳ năm ngoái Nhà máy Đạm Phú Mỹ dừng bảo dưỡng tổng thể trong 26 ngày). Tổng sản lượng sản xuất Urea trong 6 tháng đầu năm đạt 446 nghìn tấn, hoàn thành 53% chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm và tăng 16% so với cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng bán hàng Urea Phú Mỹ trong Quý 2 đạt 256 nghìn tấn, tăng 4% so với Quý 1 và giảm 4% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng bán hàng Urea Phú Mỹ trong 6 tháng đầu năm đạt 501 nghìn tấn, hoàn thành 58% kế hoạch năm và tăng 4% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm, Tổng công ty đã xuất khẩu gần 94 ngàn tấn Urea, trong đó sản lượng Urea xuất khẩu trong Quý 2 đạt khoảng 31 nghìn tấn.

NPK Phú Mỹ:

Sản lượng kinh doanh NPK trong 6 tháng đầu năm đạt 87 nghìn tấn, tăng 21 % so với cùng kỳ, chủ yếu do ảnh hưởng bất lợi từ thị trường tiêu thụ. Trong khi đó, sản lượng kinh doanh phân bón nhập khẩu và tự doanh đạt 113 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ.

Hóa chất:

Sản lượng kinh doanh các mặt hàng hóa chất trong 6 tháng đầu năm được cải thiện, đạt gần 64 nghìn tấn, tăng 21% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng kinh doanh NH₃ và UFC85 tăng tương ứng 8% và 7% so với cùng kỳ năm 2023.

Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật trong 6 tháng đầu năm:

- Tổng doanh thu: đạt 7.340 tỷ, tăng 2% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng doanh thu Q2 đạt 4.003 tỷ, tăng 3% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận gộp: 1.147 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp đạt 15,8% so với cùng kỳ năm ngoái là 13,1%.
- EBITDA: 778 tỷ đồng, tương ứng biên EBITDA là 10,7%.
- EBIT: 528 tỷ đồng, tương đương biên là EBIT 8%.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 578 tỷ đồng, hoàn thành 88% kế hoạch năm, tăng 15% so với cùng kỳ 2023.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 503 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch năm, tăng 37% so với cùng kỳ 2023.
- Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh: 501 tỷ đồng
- Dòng tiền tự do: 389 tỷ đồng

Triển vọng và các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng cuối năm

Các yếu tố bất lợi:

- Tình trạng dư cung gia tăng: do các nước trong khu vực tiếp tục triển khai các dự án sản xuất Urea.
- Giá bán phân bón diễn biến khó lường là thách thức cho công tác dự báo, hoạch định mục tiêu sản xuất kinh doanh.
- Chi phí đầu vào tăng cao so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước dẫn đến giá thành sản xuất cao.
- Tỷ giá tăng cao ảnh hưởng đến giá mua nguyên vật liệu, thiết bị sản xuất, hàng hóa...
- Chính sách thuế VAT chưa được điều chỉnh phù hợp dẫn đến nhiều bất lợi cho doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước.

Các yếu tố tích cực:

- Giá bán và sức mua vẫn trên đà phục hồi sẽ giúp cải thiện hiệu quả hoạt động và sản lượng tiêu thụ trong 6 tháng cuối năm. Giá bán nông sản cao, thị trường xuất khẩu nông sản được mở rộng, tạo điều kiện cho nông dân tăng cường đầu tư, mở rộng sản xuất.
- Năng lực sản xuất được duy trì ổn định, nguồn khí đáp ứng đầy đủ. Sản lượng sản xuất tiếp tục được cải thiện nhằm tối ưu công suất hoạt động.
- Thương hiệu Phân bón Phú Mỹ uy tín, chất lượng sản phẩm được khẳng định trên thị trường và có hệ thống phân phối sâu rộng tới các vùng tiêu thụ trên cả nước.
- Năng lực tài chính, nhân sự nhiều kinh nghiệm. Hệ thống quản trị được đổi mới, đặt nhiều ưu tiên sự phối hợp chặt chẽ giữa khối sản xuất và kinh doanh nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động, từng bước đổi mới/tái cấu trúc lại mô hình kinh doanh nhằm khai thác tốt hơn các lợi thế cạnh tranh và thích ứng linh hoạt với biến động thị trường.
- Tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư, mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh.

Với các yếu tố tích cực và tiêu cực như trên, trong 6 tháng cuối năm 2024 Ban lãnh đạo PVFCCo đặt mục tiêu vận hành các nhà máy hiệu quả, an toàn và ổn định. Trong đó, tiếp tục ưu tiên áp dụng hiệu quả các Bộ định mức để hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, tổ chức tốt công tác theo dõi và dự báo thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh tối ưu trên cơ sở xem xét chuyên đổi/tái cấu trúc mô hình kinh doanh, phân phối để phù hợp với bối cảnh thị trường. Đồng thời, Tổng công ty đặt mục tiêu tìm kiếm, tận dụng mọi cơ hội xuất khẩu Urea để giảm áp lực dư cung từ thị trường nội địa.

Về quản trị chi phí, Ban lãnh đạo chủ trương kiểm soát chặt chẽ chi phí, đặc biệt là chi phí gián tiếp đồng thời tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các mặt hoạt động của công ty nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động chung.

Về hoạt động xúc tiến các dự án đầu tư mới: tăng tốc các nhóm hoạt động nghiên cứu, triển khai và hiện thực hóa các cơ hội đầu tư theo kế hoạch 5 năm tới. Theo đó, Tổng công ty sẽ tập trung đầu tư mở rộng quy mô sản xuất trên cả lĩnh vực phân bón và hóa chất trên nguyên tắc tối ưu hóa cơ sở hạ tầng và các dự án hiện hữu, tích hợp với các dự án đầu tư mới ở cả 2 lĩnh vực, gắn với chiến lược/mục tiêu dài hạn là định vị PVFCCo trở thành doanh nghiệp sản xuất hóa chất, năng lượng xanh tiên phong tại Việt Nam.

Một số chỉ tiêu ước thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

Sản xuất:

- Đạm Phú Mỹ: 427 nghìn tấn
- NPK Phú Mỹ: 64,4 nghìn tấn
- Phân bón khác: 1,8 nghìn tấn
- UFC85: 6,4 nghìn tấn
- NH3 thương mại: 32,9 nghìn tấn

Kinh doanh:

- Đạm Phú Mỹ: 409 nghìn tấn
- NPK Phú Mỹ: 55,1 nghìn tấn
- Phân bón khác Nhà máy sản xuất: 2,3 nghìn tấn
- Phân bón nhập khẩu/tự doanh: 126,9 nghìn tấn
- NH3: 37,5 nghìn tấn
- UFC85: 4,3 nghìn tấn
- CO2: 21,5 nghìn tấn
- Hóa chất dầu khí: 400 tấn

Chi tiết kết quả hoạt động Quý 2, báo cáo tài chính Quý 2/2024, báo cáo tài chính bán niên soát xét tham khảo tại website PVFCCo: www.dpm.vn

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NỔI BẬT TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

1. Sản lượng sản xuất:

Urea Phú Mỹ: 446 nghìn tấn, hoàn thành 52% kế hoạch năm, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2023.

NPK Phú Mỹ: 67 nghìn tấn, hoàn thành 47% kế hoạch năm, tương đương cùng kỳ năm 2023.

UFC85: 6,2 nghìn tấn, hoàn thành 49% kế hoạch năm, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2023.

NH3 sản xuất thương mại: 32 nghìn tấn, hoàn thành 49% kế hoạch năm, tăng 41% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Sản lượng kinh doanh:

2.1 Sản lượng kinh doanh phân bón

Urea Phú Mỹ: 501 nghìn tấn, hoàn thành 58% kế hoạch năm, tăng 4% so với cùng kỳ 2023

NPK Phú Mỹ: 87 nghìn tấn, hoàn thành 61% kế hoạch năm, tăng 21% so với cùng kỳ 2023

Phân bón nhập khẩu/tự doanh: 113 nghìn tấn, hoàn thành 43% kế hoạch năm, tăng 3% so với cùng kỳ 2023

2.2 Sản lượng kinh doanh hóa chất:

Diễn biến cung cầu thị trường hóa chất

NH3:

Thị trường quốc tế: Do ảnh hưởng từ tình trạng cung vượt cầu tại khu vực Đông và Đông Nam Á, giá NH3 đã sụt giảm mạnh từ giữa tháng 1 đến cuối tháng 4 năm 2024. Giá FOB trung bình khu vực Đông Nam Á giảm từ mức 425 USD/tấn xuống mức 313 USD/tấn. Từ tháng 5 giá bắt đầu phục hồi và tăng trở lại, đến cuối tháng 6 giá NH3 FOB trung bình khu vực Đông Nam Á

đạt 395 USD/tấn. Theo dự báo từ các bản tin, xu hướng giá NH3 sẽ giảm trong Quý 3 và Quý 4/2024.

Thị trường trong nước: Nhu cầu NH3 tại miền Nam vẫn ổn định, ngược lại phía Bắc có nhu cầu tăng hơn so với mọi năm, chủ yếu từ Nhà máy sản xuất Amon Nitrate Thái Bình. Với công suất thiết kế và năng lực vận hành của Nhà máy, PVFCCo đã cố gắng cân đối cung cấp cho khách hàng để hạn chế và tránh tình trạng hàng nhập khẩu có cơ hội xâm nhập thị trường. Trước tình hình giá bán xuống thấp, giá thành sản xuất tăng cao, PVFCCo đã nỗ lực đàm phán với các khách hàng để cải thiện giá bán, qua đó cải thiện doanh thu bán hàng trong 6 tháng đầu năm.

UFC85: Giá bán UFC85 ổn định từ đầu năm, xu hướng giá tăng nhẹ trong 6 tháng cuối năm.

CO2: trong 6 tháng đầu năm, sản lượng cấp CO2 ổn định, dự kiến sản lượng CO2 6 tháng cuối năm vẫn theo kế hoạch.

Hóa chất dầu khí: Các khách hàng hóa chất dầu khí đa số đã ký các hợp đồng cung cấp dài hạn (2-3 năm) nên tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã có và vẫn tham gia các gói thầu cung cấp hóa chất mới.

Kết quả kinh doanh hóa chất của PVFCCo trong 6 tháng đầu năm:

Sản lượng kinh doanh các sản phẩm hóa chất 6 tháng đầu năm 2024 đạt 63,7 nghìn tấn, hoàn thành 108% kế hoạch 6 tháng, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2023.

Doanh thu mảng hóa chất đạt 429 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận mảng hóa chất đạt 5 tỷ đồng, giảm 92% so với cùng kỳ.

Cụ thể sản lượng kinh doanh các sản phẩm hóa chất như sau:

NH3: 32 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ, hoàn thành 49% kế hoạch năm.

UFC85: 4,9 nghìn tấn, tăng 7% so với cùng kỳ, hoàn thành 58% kế hoạch năm.

CO2: 26,1 nghìn tấn, tăng 44% so với cùng kỳ, hoàn thành 58% kế hoạch năm.

Hóa chất dầu khí: 747 tấn, tăng 16% so với cùng kỳ, hoàn thành 95% kế hoạch năm.

3. Chỉ số tài chính cơ bản 6 tháng đầu năm 2024 (số liệu trước soát xét)

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng 2023	6 tháng 2024	% tăng/giảm
I.	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
1	Suất sinh lời của tổng tài sản ROA (LNST/Tổng tài sản)	2.24%	3.47%	55%
2	Suất sinh lời của vốn chủ sở hữu ROE (LTST/Vốn chủ sở hữu)	2,75%	4,27%	55%
3	LNTT/Doanh thu, thu nhập	6,94%	7,88%	14%
II.	CÁC HỆ SỐ VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	6.15	3.60	-41%

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng 2023	6 tháng 2024	% tăng/giảm
2	Hệ số thanh toán nhanh	4.88	3.19	-35%
III.	CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
1	Hệ số nợ (Tổng nợ/Tổng tài sản)	0.16	0.24	46%
3	Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu)	0.19	0.31	61%

Tổng tài sản: thời điểm 30/6/2024 là 15.740 tỷ đồng, tăng 18% so với đầu năm.

Nợ ngắn hạn: thời điểm 30/6/2024 là 3.402 tỷ đồng, tăng 129% so với đầu năm.

Nợ dài hạn: thời điểm 30/6/2024 là 356 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu: tại thời điểm 30/06/2024 là 11.982 tỷ đồng, tăng 4% so với đầu năm.

III. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024:

1. Thị trường phân bón trong nước

Sản xuất phân bón trong nước

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, ước lũy kế 6 tháng đầu năm, Việt Nam sản xuất 1,37 triệu tấn Urea và 1,54 triệu tấn NPK, lần lượt tăng 8,03% và tăng 17,88% so với cùng kỳ năm 2023.

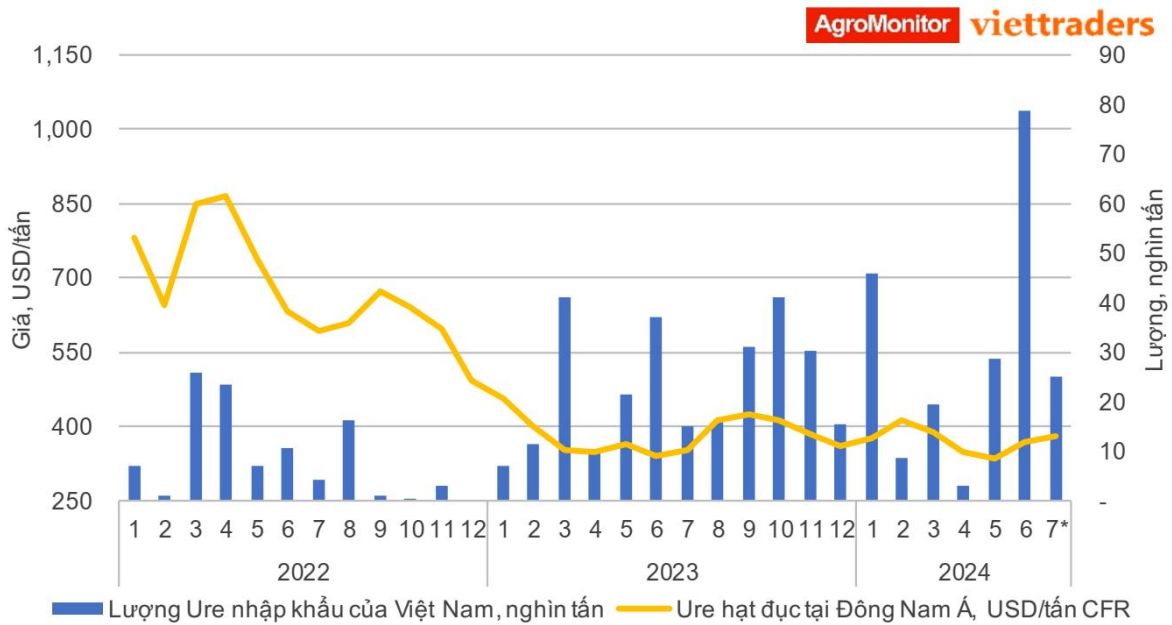
Nhập khẩu Urea

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã nhập khẩu 2,54 triệu tấn phân bón, trị giá đạt 831,3 triệu USD, tăng 921,3 nghìn tấn (+57%) về lượng và 236,8 triệu USD (+40%) về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Nhập khẩu SA nhiều nhất đạt 612,3 nghìn tấn, tăng 75,4 nghìn tấn (+14%) so với cùng kỳ năm 2023. Nhập khẩu Kali đứng thứ 2 đạt 598,8 nghìn tấn, tăng 381,7 nghìn tấn (+176%) so với cùng kỳ năm 2023 và là chủng loại chính có lượng nhập khẩu tăng mạnh nhất. Nhập khẩu NPK, DAP và Urea cũng tăng từ 42-148% so với cùng kỳ năm 2024 lên lần lượt 339,4 nghìn tấn, 262,3 nghìn tấn và 185,1 nghìn tấn.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, có 339,4 nghìn tấn NPK nhập về Việt Nam, tăng 100,5 nghìn tấn (+42%) so với cùng kỳ năm 2023.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, có 185,1 nghìn tấn Ure nhập về Việt Nam, tăng 56,5 nghìn tấn (+44%) so với cùng kỳ năm 2023.

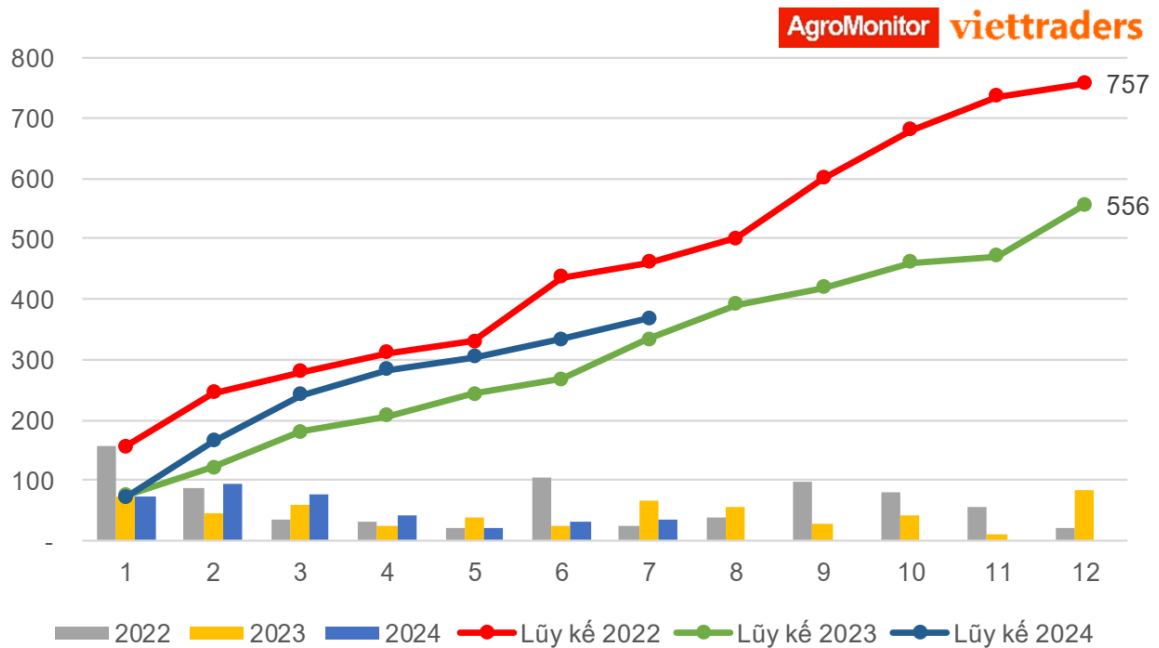
Biểu đồ 1: Tương quan giữa lượng nhập khẩu Ure Việt Nam (nghìn tấn) và giá Urea hạt đục tại khu vực ĐNA từ 1/2022-7/2024



Nguồn: AgroMonitor (Tháng 7/2024: ước tính, giá T7/2024 tính đến 9/7)

Xuất khẩu phân bón

Biểu đồ 2: Lượng Urea xuất khẩu của Việt Nam từ 1/2022-7/2024



Nguồn: AgroMonitor (Tháng 7/2024: ước tính)

Lũy kế 6 tháng năm 2024, xuất khẩu phân bón đạt 853,9 nghìn tấn, trị giá 341,8 triệu USD, tăng 173,7 nghìn tấn (+26%) và 56,2 triệu USD (+20%) so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Urea tăng 66,3 nghìn tấn, NPK tăng 42,1 nghìn tấn, DAP tăng 40 nghìn tấn. Tuy nhiên xuất khẩu Phân lân giảm 6,4 nghìn tấn so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng năm 2024, xuất khẩu Urea đạt 333,9 nghìn tấn và 131,8 triệu USD, tăng 66,3 nghìn tấn (+25%) và 21,9 triệu USD (+20%) so với cùng kỳ năm 2023.

Lũy kế 6 tháng năm 2024, xuất khẩu NPK đạt 149,3 nghìn tấn và 71,9 triệu USD, tăng 42,1 nghìn tấn (+39%) và 13,9 triệu USD (+24%) so với cùng kỳ năm 2023

Diễn biến cung cầu trong nước 6 tháng đầu năm và dự báo xu hướng

Tổng nhu cầu Urea Quý 2/2024 đạt 725 nghìn tấn, giảm 9,9% so với Quý 1, nhưng tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tiêu thụ cho cây trồng đạt 440 nghìn tấn, tăng 2,3% (+10 nghìn tấn) so với Quý 1; lượng Urea dùng làm nguyên liệu sản xuất NPK/công nghiệp tăng 7,4% lên mức 145 nghìn tấn; tuy nhiên xuất khẩu giảm 41,7% xuống mức 140 nghìn tấn.

Tổng nguồn cung Urea trong Quý 2/2024 đạt 1,06 triệu tấn, giảm 7% so với Quý 1, và giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ năm trước. Tồn kho Urea trong Quý 2 dao động trong khoảng 332-352 nghìn tấn, giảm so với mức tồn kho trong Quý 1 (342-463 nghìn tấn).

Dự báo xu hướng trong ngắn hạn:

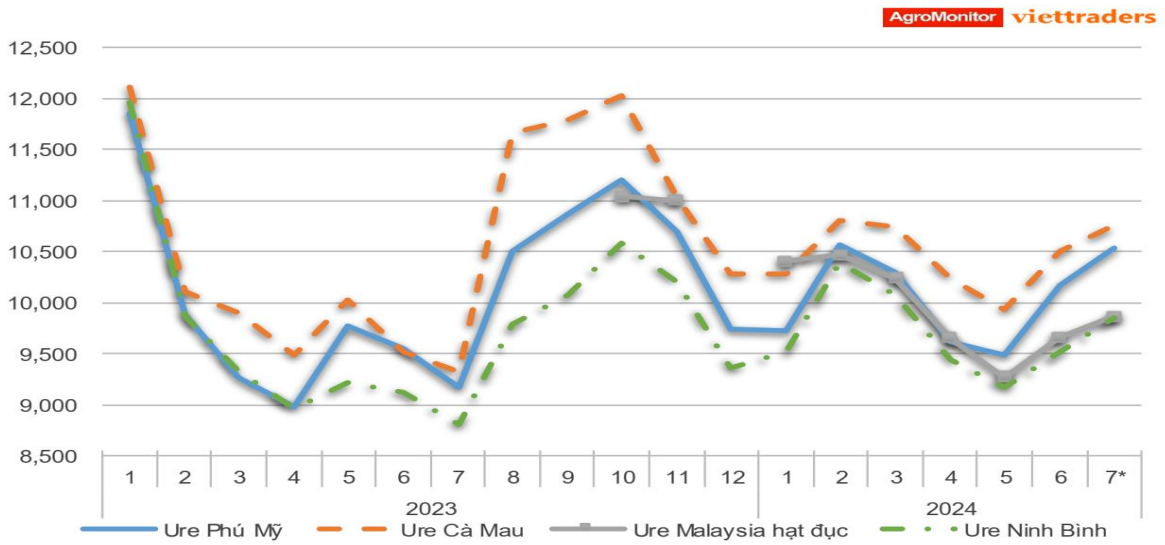
Tổng nguồn cung Urea trong Quý 3/2024 dự kiến đạt 976 nghìn tấn, giảm 7,3% so với 3 tháng trước đó, và giảm 3,55% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tồn kho đầu tháng 7/2024 ở mức 351 nghìn tấn, tương đương với tồn kho đầu tháng 4/2024. Sản xuất dự kiến giảm 3,36% so với 3 tháng trước xuống mức 575 nghìn tấn, nhập khẩu giảm 54,6% (-60 nghìn tấn) xuống mức 50 nghìn tấn.

Tổng nhu cầu Urea trong Quý 3/2024 dự kiến đạt 540 nghìn tấn, giảm 23,11% so với 3 tháng trước, và giảm 3,84% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dự kiến tiêu thụ cho cây trồng đạt 300 nghìn tấn, giảm 34,7% (-160 nghìn tấn) so với 3 tháng trước; lượng Urea dùng làm nguyên liệu sản xuất NPK/công nghiệp giảm 23,3% so với 3 tháng trước, xuống mức 115 nghìn tấn; xuất khẩu tăng 35,4% lên mức 125 nghìn tấn.

Diễn biến giá Urea trong Quý 2:

Giá Urea tại Việt Nam trong tháng 5 phần lớn giữ xu hướng tăng do nguồn cung sản xuất trong nước có sẵn lưu thông trên thị trường hạn chế, nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng và theo xu hướng giá Urea thế giới, tuy nhiên giá Urea bình quân trong tháng 5 vẫn thấp hơn khoảng 130-400 đ/kg (1-4%) so với tháng 4. Đầu tháng 6, xu hướng tăng giá tiếp tục khi nguồn cung giao ngay có sẵn chưa được cải thiện trong khi nhu cầu nội địa cao. Giá Urea bình quân trong tháng 6 năm 2024 tăng khoảng 330-760 đ/kg (3-8%) so với tháng 5, trong đó giá tăng mạnh ở 2 tuần giữa tháng 6.

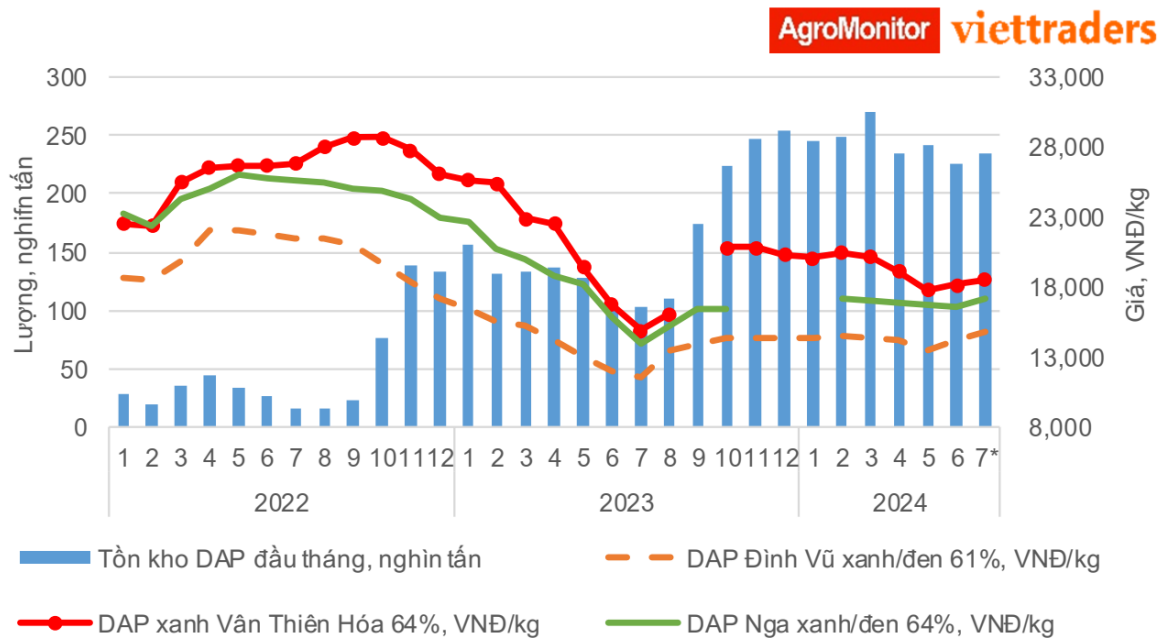
Biểu đồ 3: Diễn biến giá Urea tại Việt Nam, năm 2023-2024, đ/kg



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến 9/7/2024)

Thị trường DAP Việt Nam

Biểu đồ 4: Tương quan giữa tồn kho DAP và giá giao dịch nội địa (đ/kg) từ 2022-2024, vnd/kg



Nguồn: AgroMonitor (Giá 7/2024: tính đến 10/7)

Trong tháng 6, xuất khẩu DAP của Việt Nam tiếp tục ở mức khoảng 25 nghìn tấn (tương đương tháng 5), nhập khẩu tăng lên mức 63 nghìn tấn, tăng mạnh 29 nghìn tấn so với tháng 5, chủ yếu là DAP Trung Quốc. Tồn kho DAP cuối tháng 6 ước đạt 234 nghìn tấn, tăng nhẹ 3% so với

cuối tháng 5. Tuy nhiên giá DAP trong nước được hỗ trợ bởi xu hướng tăng của thị trường thế giới nên trung bình tháng 6 đã tăng 100-810 đ/kg (1-5%) so với tháng 5.

Dự báo trong ngắn hạn: nguồn cung nhập khẩu hạn chế, giá chào vẫn ở mức cao. Một số thương nhân/đại lý còn hàng kho giữ chào giá DAP Đình Vũ/Lào Cai ở các mức cao vào cuối tháng 6. Giá DAP Vân Thiên Hóa/Tường Phong xanh 64% tiếp tục được chào ở mức tăng 150-200 đ/kg. Các chủng loại DAP nhập khẩu khác, chào giá ít biến động.

Thị trường Kali Việt Nam

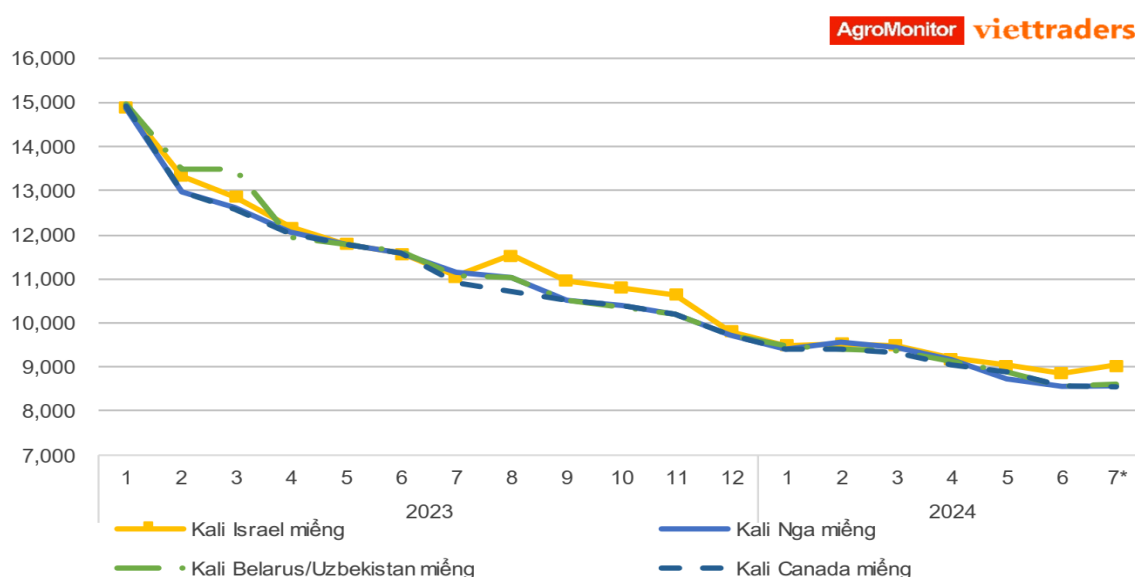
Tổng nguồn cung trong Quý 2/2024 đạt khoảng 498 nghìn tấn, tăng 12% so với Quý 1/2024, trong đó, nhập khẩu đạt khoảng 260 nghìn tấn (tăng 25%).

Tổng nhu cầu Kali trong Quý 2/2024 đạt 235 nghìn tấn, tăng 35 nghìn tấn (18%) so với Quý 1/2024 và tăng 70 nghìn tấn (42%) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhu cầu tiêu thụ Kali cho cây trồng đạt 85 nghìn tấn (-6% so với Quý 1/2024) và nhu cầu làm nguyên liệu sản xuất đạt 150 nghìn tấn (+36% so với Quý 1/2024).

Giá Kali tại Việt Nam có xu hướng giảm trong khoảng nửa đầu tháng 6 do nguồn cung dồi dào, tuy nhiên từ khoảng giữa tháng 6, giá Kali nhìn chung chững lại và có nhích nhẹ với hàng bột vào cuối tháng do nhu cầu tăng và giá tăng theo xu hướng giá các chủng loại phân đơn khác như Urea, DAP.

Dự báo trong ngắn hạn: thị trường nội địa vẫn được hỗ trợ từ nhu cầu chăm bón cho lúa tại Đồng bằng Sông Cửu Long, miền Trung, cây công nghiệp tại miền Đông&Tây Nguyên và làm nguyên liệu sản xuất. Nhu cầu tiêu thụ nội địa trong tháng 7 sẽ tăng nhẹ trong khi nhập khẩu dự báo tiếp tục giảm. Do đó, tồn kho Kali cuối tháng 7 dự kiến sẽ tiếp tục giảm xuống mức 346 nghìn tấn. Tồn kho giảm nhưng vẫn ở mức khá cao nên có thể tiếp tục gây sức ép đối với giá chào nội địa.

Biểu đồ 5: Diễn biến giá Kali giao dịch tại Sài Gòn theo tháng năm 2023 - 2024 (đồng/kg)



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến 9/7/2024)

Thị trường NPK trong nước

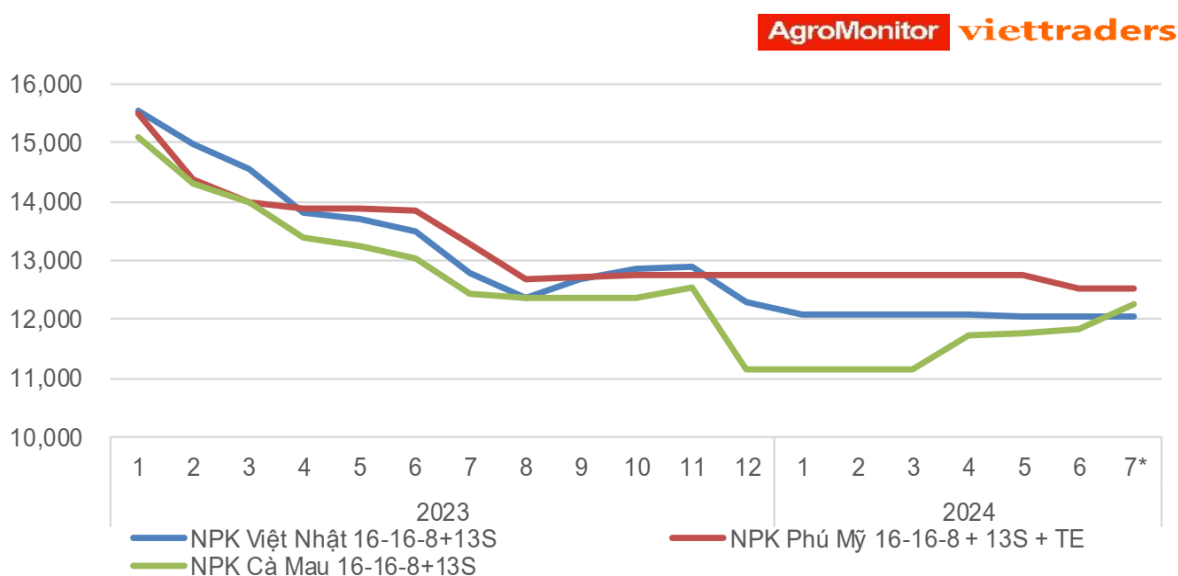
Tổng nguồn cung NPK của Việt Nam trong Quý 2/2024 đạt khoảng 1,52 triệu tấn, tăng 15,4% so với Quý 1/2024, trong đó sản lượng sản xuất dự kiến tăng 28,1% đạt 830 nghìn tấn và lượng nhập khẩu tăng 19,4% đạt 130 nghìn tấn.

Tổng nhu cầu NPK trong Quý 2 tăng khoảng 20,5% so với Quý 1 lên mức 747 nghìn tấn; trong đó nhu cầu tiêu thụ nội địa tăng dần từ tháng 4 (đạt 180 nghìn tấn) đến tháng 6 (đạt 350 nghìn tấn). Tồn kho NPK cuối kỳ tăng lên mức 987 nghìn tấn.

Chào giá NPK nhập khẩu trong tháng 6 biến động trái chiều khi tăng 1-2% với NPK Trung Quốc do giá nhập khẩu tăng cũng như lượng hàng nhập khẩu giảm, trong khi giảm 1-2% với NPK Nga và ổn định với NPK Hàn Quốc/NPK Phi. Chào giá NPK sản xuất nội địa nhìn chung ổn định so với tháng 5, một số thương nhân/đại lý còn nhiều hàng kho chủ động chào giá thấp hơn mặt bằng chung của thị trường nhưng không phổ biến.

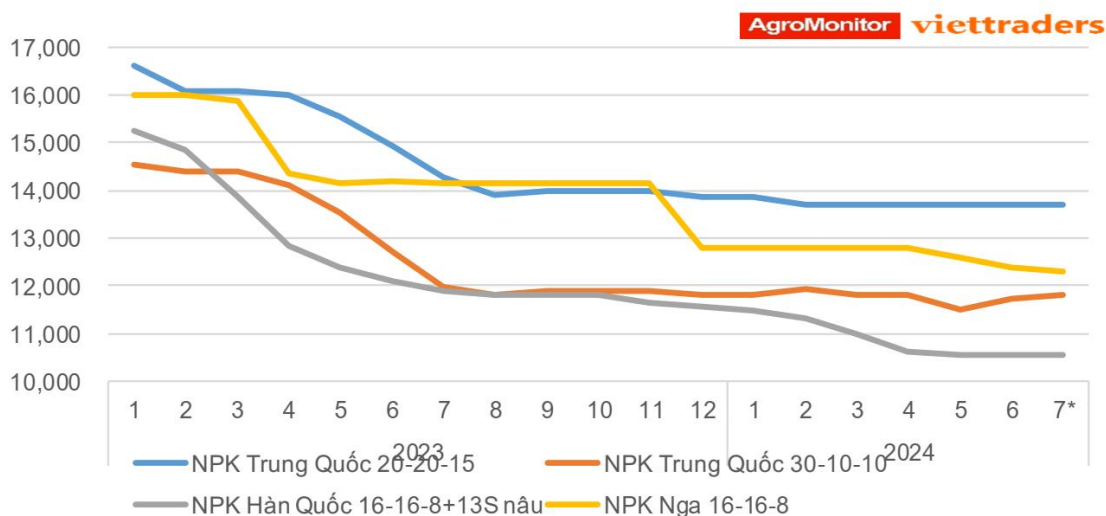
Dự kiến trong tháng 7, tổng nguồn cung NPK của Việt Nam ước đạt 832 nghìn tấn, giảm 175,7 nghìn tấn (- 17,4%) so với tháng 6; tổng nhu cầu NPK dự kiến đạt 330 nghìn tấn, giảm 115,7 nghìn tấn (-26%) so với tháng 6.

Biểu đồ 6: Diễn biến giá NPK sản xuất nội địa giao dịch tại Tây Nam bộ theo tháng năm 2023-2024, đ/kg



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến 10/7)

Biểu đồ 7: Diễn biến giá NPK nhập khẩu giao dịch tại Sài Gòn theo tháng năm 2023-2024, đ/kg



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến 10/7)

Thị trường phân bón quốc tế:

Thị trường Urea thế giới

Giá Urea thế giới trong tháng 1 tăng trung bình 2-21% so với tháng 12, nhờ đấu thầu nhập khẩu của Ấn Độ và nguồn cung thắt chặt. Tháng 2, giá Urea có xu hướng giảm dần vì nhu cầu thấp, tuy nhiên, bình quân giá vẫn tăng khoảng 1-12% so với tháng 1 do nguồn cung hạn chế từ Đông Nam Á và Trung Đông vì dừng máy để bảo dưỡng hoặc do sự cố. Tháng 3, giá Urea tiếp tục giảm do nguồn cung dồi dào từ các nhà máy trở lại hoạt động. Đặc biệt, đến cuối tháng 3, giá Urea giảm mạnh do Ấn Độ mua ít hơn dự kiến. Thầu Ấn Độ đã nhận được tổng cộng khoảng 3,15 triệu tấn chào từ 19 nhà cung cấp, tuy nhiên RCF xác nhận chỉ mua 340 nghìn tấn.

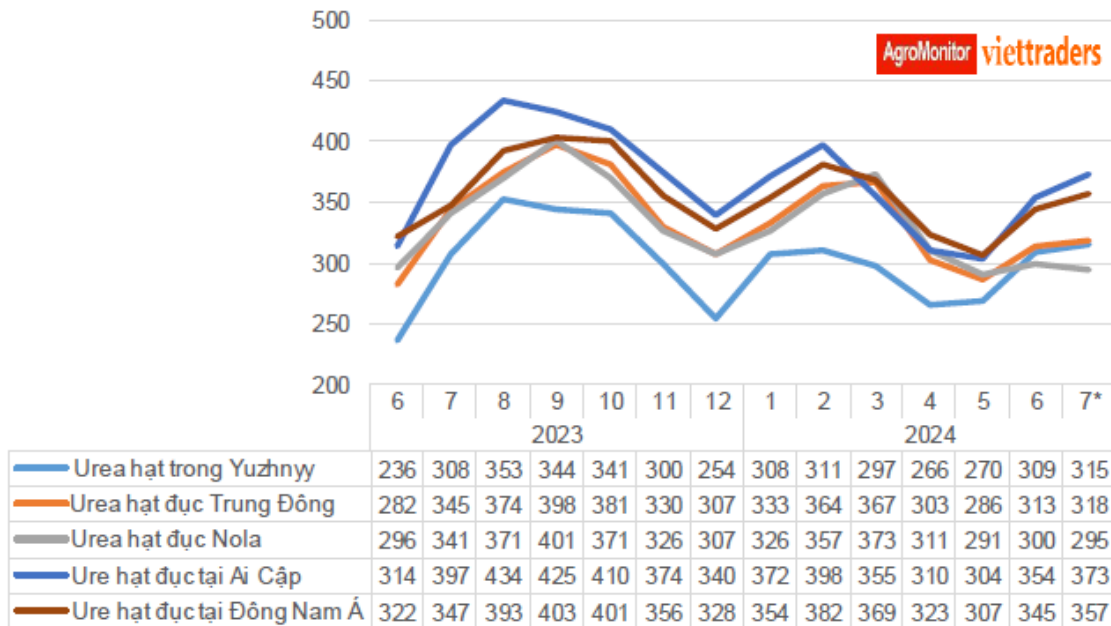
Sang Quý 2/2024, trong tháng 4, giá Urea tiếp tục giảm do áp lực từ nguồn cung gia tăng. Tuy nhiên, cuối tháng 4 - đầu tháng 5, nhu cầu tăng ở Châu Mỹ Latinh và Châu Âu đã giúp giá Urea giảm chậm lại. Trong tháng 5, làn sóng mua Urea lớn từ Ai Cập đã đẩy giá tăng trong nửa cuối tháng 5. Đầu tháng 6, sản xuất Urea ở Ai Cập gián đoạn do thiếu nguồn cung khí đốt, dẫn đến giá Urea tăng. Nhu cầu tiêu thụ từ Đông Nam Á tăng và đấu thầu nhập khẩu của Ấn Độ đã hỗ trợ giá Urea trong tháng 6.

Ngày 24/6, Ấn Độ thông báo mở thầu nhập khẩu Urea, đóng ngày 8/7. Kết quả chào thấp nhất là 350.50 USD/tấn CFR bờ tây và 365 USD/tấn CFR bờ đông. Giá chào thấp hơn dự báo này cho thấy xu hướng tăng giá không ổn định sắp tới.

Dự báo xu hướng

Giá Urea tại nhiều thị trường dự báo sẽ tăng trong tháng 7-8, sau đó giảm đến cuối năm 2024 khi Trung Quốc quay trở lại thị trường xuất khẩu.

Biểu đồ 8: Giá Urea bình quân tại một số khu vực trên thế giới các tháng trong năm 2023-2024 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến ngày 6/7/2024)

Thị trường DAP thế giới

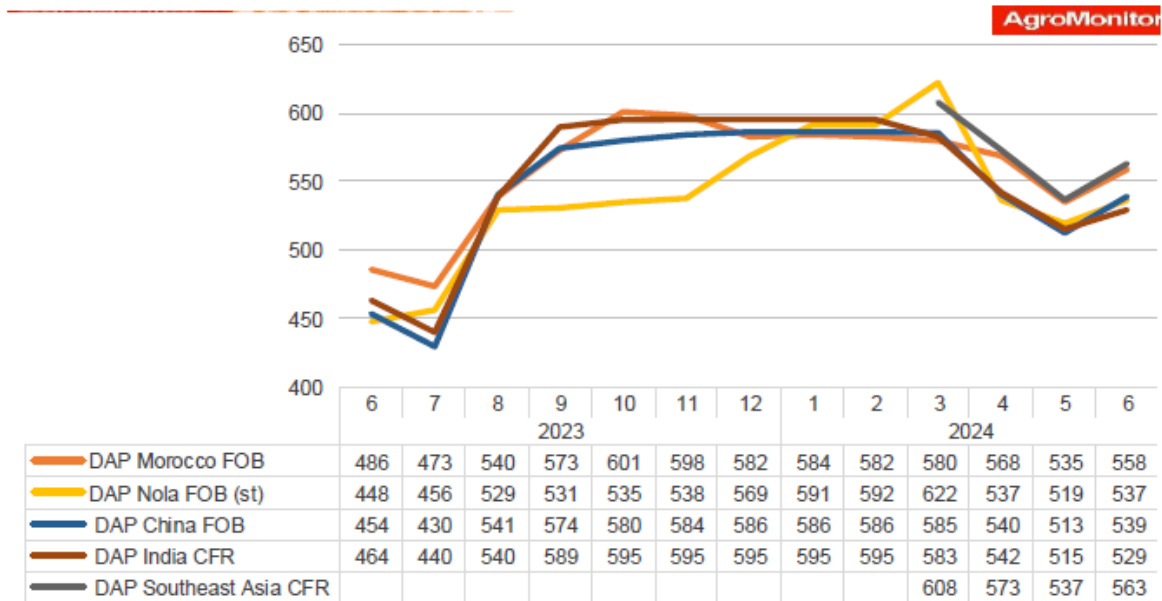
Trong Quý 1, nguồn cung DAP tháng 1 có xu hướng giảm tại khu vực Nam Á do nguồn cung nguyên liệu thô bị hạn chế bởi những gián đoạn ở Biên Độ. Trong khi đó, hoạt động giao dịch DAP toàn cầu chủ yếu tập trung tại Ấn Độ, với ước tính khoảng 465 nghìn tấn đã được các nhà nhập khẩu mua. Thị trường DAP thế giới trong tháng 2 ít biến động so với tháng 1, chủ yếu ghi nhận các giao dịch vào nửa cuối tháng và giá DAP tại hầu hết các thị trường nhìn chung không thay đổi so với tháng trước. Sang tháng 3, giá DAP giảm từ 1-12 USD/tấn (1-2%) so với tháng 2 do một số khu vực vào giai đoạn trái vụ và ảnh hưởng của thời tiết làm giảm lượng mua hàng. Đồng thời, người mua lo ngại rủi ro về giá khi DAP Trung Quốc xuất hiện trở lại trên thị trường nên hạn chế mua hàng.

Sang Quý 2, nhu cầu mua DAP tại hầu hết các thị trường suy yếu do giá nông sản ở mức thấp, vào giai đoạn trái vụ, và thời tiết khô nóng tại Đông Nam Á cũng như mưa nhiều tại Châu Mỹ. Do đó, chào giá DAP giảm 11-96 USD/tấn vào tháng 4 và tiếp tục giảm 16-44 USD/tấn vào tháng 5. Tuy nhiên, sang tháng 6, chào giá tại hầu hết các thị trường đều tăng, do nhu cầu ở mức cao, đặc biệt tại Ấn Độ do lượng mưa dồi dào và nguồn cung ở mức thấp.

Dự báo xu hướng

Giá DAP/MAP trong báo cáo tháng 7 được dự báo sẽ tăng cao hơn dự báo tháng trước trong bối cảnh nguồn cung khan hiếm và có nguy cơ thắt chặt hơn nữa. Tồn kho ở mức thấp và lượng hàng có sẵn hạn chế có thể bù trừ cho những lo ngại về nhu cầu DAP/MAP suy giảm trong 6 tháng tới.

Biểu đồ 9: Giá DAP bình quân tại một số khu vực các tháng năm 2023-2024 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor

Thị trường Kali thế giới

Trong Quý 1, thị trường Kali thế giới trong tháng 1/2024 vẫn chịu áp lực từ nhu cầu thấp và tồn kho cao. Do đó, giá Kali tiếp tục xu hướng giảm và trở nên trầm lắng trong nửa đầu tháng 2 do kỳ nghỉ lễ tại nhiều thị trường. Sau đó, giá Kali đã chạm đáy tại một số khu vực và hồi phục tăng trở lại, đặc biệt tại Brazil. Lượng mua hàng từ Brazil tăng, cùng với nguồn cung giao ngay hạn chế và giá đậu nành tăng, đã hỗ trợ giá Kali duy trì xu hướng tăng liên tục từ cuối tháng 2 đến hết tháng 3. Trong khi đó, việc Mosaic thông báo ngừng hoạt động tại mỏ Kali Colonsay đã làm nguồn cung trở nên khan hiếm hơn. Các nhà cung cấp có ít hàng để cung cấp cho đến tháng 5, điều này đã hỗ trợ xu hướng giá hồi phục tại nhiều thị trường lớn.

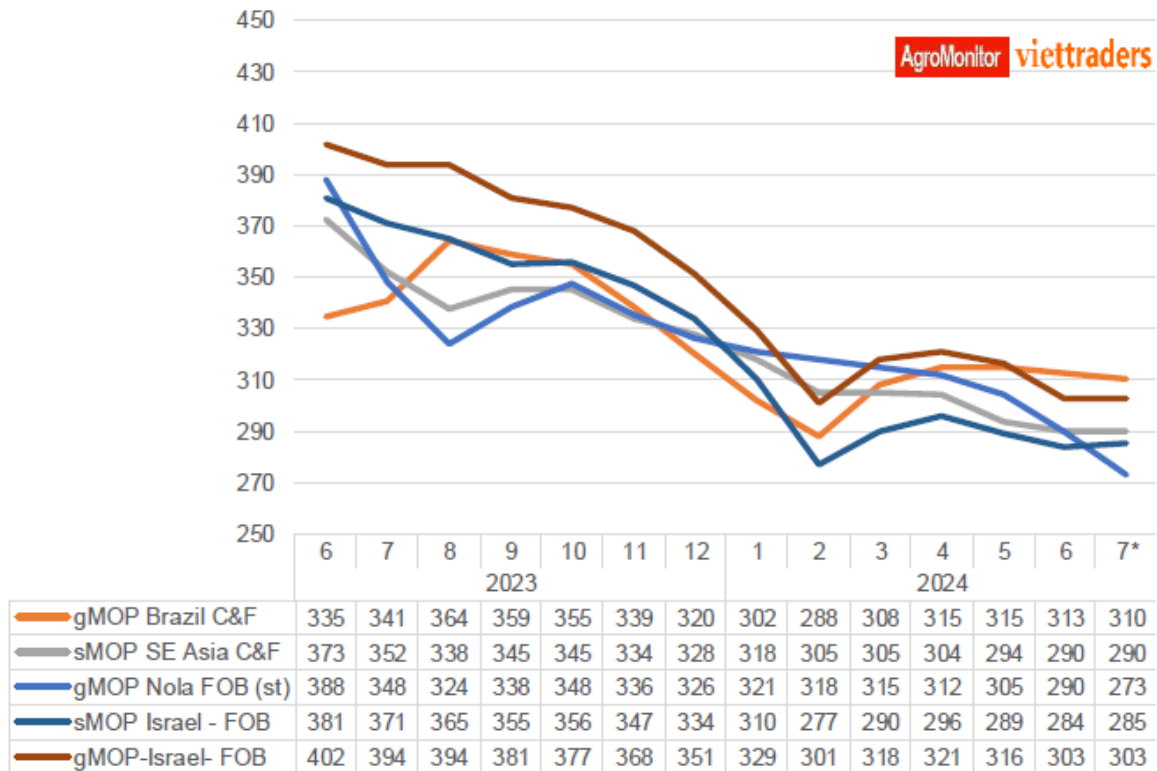
Trong Quý 2/2024 giá Kali trên thị trường toàn cầu trong tháng 4 đã tăng khoảng 1-9% so với tháng 3 tại các nơi cung cấp chủ yếu như Israel, Jordan, Nga và Vancouver. Tuy nhiên, giá CFR giảm nhẹ tại Châu Á, Châu Âu và Úc, trong khi ở Brazil vẫn duy trì ổn định nhờ vào nhu cầu mùa Safra và mùa hè tại Hoa Kỳ. Sang tháng 5 và tháng 6, giá Kali giảm do nhu cầu yếu và tính thanh khoản thấp tại các thị trường nhập khẩu, mặc dù có đấu thầu mua MOP từ Indonesia/Malaysia với giá thấp. Đầu tháng 7, Trung Quốc đạt thỏa thuận nhập khẩu Kali với UralKali ở mức 273 USD/tấn CFR, trong khi IPL của Ấn Độ ký hợp đồng với BPC (Belarus) ở mức 279 USD/tấn CFR.

Dự báo xu hướng

Giá Kali giao ngay dự báo sẽ tiếp tục giảm ở hầu hết các thị trường toàn cầu trong gần nửa cuối năm 2024 khi nhu cầu yếu hơn dự kiến và sẽ hồi phục nhẹ trong tháng 11-12/2024 khi nguồn cung giai đoạn này có thể sẽ suy giảm hơn.

Trong nửa đầu năm 2024, dù nhu cầu tăng nhưng giá MOP chịu áp lực giảm do nguồn cung tăng tại Belarus và Nga.

Biểu đồ 10: Giá Kali bình quân tại một số khu vực các tháng năm 2023-2024 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor (Cập nhật đến ngày 4/7/2024)

Thị trường NPK thế giới

Trong Quý 1, thị trường NPK có nhiều biến động. Giá NPK tháng 1 giảm 2-29 USD/Euro/tấn (1-6%) tại hầu hết các thị trường. Sang tháng 2, giá NPK ở Trung Quốc, Đông Nam Á, và Ấn Độ tiếp tục giảm 8-16 USD/tấn (-3%) so với tháng 1 do có kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán, sau đó dần khôi phục khi các thương nhân/nhà nhập khẩu chuẩn bị cho vụ mùa chính. Giao dịch tại Ấn Độ và châu Âu phục hồi do nhu cầu vụ mùa. Tháng 3, nhập khẩu NPK tại Ấn Độ sôi động nhờ trợ cấp tăng, nhưng các thị trường khác ít biến động, với giá tại Trung Quốc giảm mạnh do quy trình kiểm tra hải quan kéo dài.

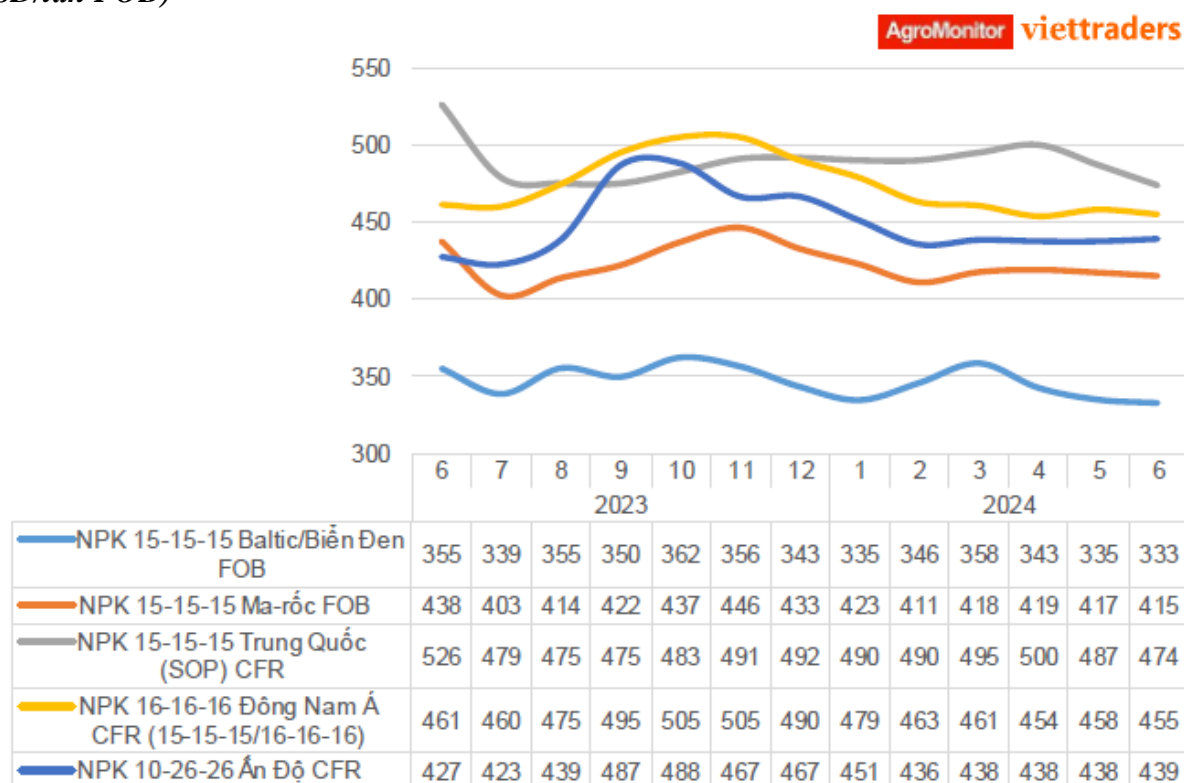
Sang Quý 2, nhu cầu nhập khẩu NPK tại thị trường Ấn Độ tiếp tục sôi động với khoảng 190 nghìn tấn NPK/NPKs đã được mua thông qua các đấu thầu/giao dịch nhập khẩu. Trong khi đó, giao dịch tại các thị trường khác vẫn hạn chế và trầm lắng do trong giai đoạn giao mùa. Trong tháng 6, giá xuất khẩu từ Trung Quốc và giá nhập khẩu tại châu Âu tăng do tăng giá nguyên liệu thô, trong khi giảm tại Ấn Độ và Đông Nam Á do giao dịch chậm lắng.

Dự báo xu hướng

Nhu cầu mua NPK tại Ấn Độ dự kiến sẽ tăng trong tháng 7 do tốc độ nhập khẩu DAP chậm lại khiến người mua chuyển sang mua các loại phân bón khác, trong đó có NPK 10-26-26 và NPK 12-32-16 so với SSP và NPKs 20-20-0+13S. Tại Nga, nhu cầu mua NPK nội địa tăng vào cuối tháng 6/đầu tháng 7 đã khiến nguồn cung thiếu hụt và có ít chào giá xuất khẩu. Tại khu vực Đông Nam Á, nhu cầu mua NPK vẫn được duy trì nhưng hoạt động nhập khẩu trầm lắng do

các thương nhân vẫn chủ yếu bán hàng tồn kho. Tại Trung Quốc, do giá nguyên liệu đầu vào cao nên các thương nhân cũng ít đưa ra các chào giá xuất khẩu vào đầu tháng 7.

Biểu đồ 11: Giá NPK tại một số khu vực trên thế giới bình quân theo tháng năm 2023-2024 (USD/tấn FOB)



Nguồn: AgroMonitor

IV. TIN VĂN

1. Tin hoạt động nổi bật:

Tin Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

Lãnh đạo PVN làm việc với các đơn vị thành viên về cân đối cung – cầu khí khu vực Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ

Trong tháng 7, lãnh đạo PVN đã làm việc với các đơn vị trong chuỗi khí – điện – đạm về tình hình cung cầu khí khu vực Đông – Tây Nam bộ cùng các giải pháp cân đối, xử lý các khó khăn hiện tại. Các đơn vị trong chuỗi khí – điện – đạm tham dự có lãnh đạo Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS), Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power), Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) và Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC).

Tại buổi làm việc, lãnh đạo các đơn vị đã báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm, đặc biệt là những khó khăn, vướng mắc liên quan đến nguồn cung – cầu, giá khí phục vụ sản xuất kinh doanh và đề xuất những giải pháp để tháo gỡ khó khăn về nguồn khí, giá khí trong giai đoạn tới.

Tổng Giám đốc PVN Lê Ngọc Sơn cho biết, hiện trạng cung khí cho cả hai khu vực Đông – Tây Nam bộ đang trên đà suy giảm và thiếu hụt, hoạt động chuỗi đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Giải pháp được đưa ra để đảm bảo nguồn cung khí đó là phát triển mỏ nhỏ và

LNG. Về ngắn hạn, Tổng Giám đốc Petrovietnam đề nghị cần tập trung các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đảm bảo hiệu quả chung cho chuỗi, tránh những thiệt hại lớn. Về lâu dài cần kiến nghị các cấp thẩm quyền xây dựng cơ chế chính sách cho công nghiệp khí.

Chủ tịch HĐQT PVN Lê Mạnh Hùng đề nghị, lãnh đạo, các ban chuyên môn Tập đoàn khẩn trương đánh giá bài bản về hiện trạng, những bất cập khó khăn của từng nhóm vấn đề về cân đối cung – cầu khí trong phạm vi cả nước từ đó xây dựng chiến lược phát triển cho chuỗi đồng thời tích cực làm việc với các cấp có thẩm quyền để tháo gỡ khó khăn, sớm ban hành các cơ chế chính sách liên quan đối với cả thượng, trung và hạ nguồn, đảm bảo chuỗi phát triển lâu dài.

Kể từ khi tấn dầu thô đầu tiên được khai thác từ năm 1986, đến nay PVN đã hoàn thiện vận hành 5 hệ thống đường ống dẫn khí lớn, hàng năm cung cấp từ 9-11 tỉ m³ khí để sản xuất cung ứng 35% sản lượng điện quốc gia, 70% sản lượng phân đạm và 70-80% lượng khí cho các hộ tiêu thụ dân dụng của cả nước.

PVN đạt kết quả hoạt động tích cực trong 6 tháng đầu năm 2024

Thông tin từ website của PVN cho thấy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2024 đã đạt được những kết quả tích cực.

Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm đã gia tăng trữ lượng dầu, đạt 4,38 triệu tấn quy dầu với 2 phát hiện dầu khí mới tại Lô 09-1, mỏ Rồng và Lô PM3-CAA, mỏ Bunga Aster.

Về sản xuất, ngoại trừ chỉ tiêu sản xuất điện (đạt 95,9%) do yếu tố khách quan, tất cả các chỉ tiêu sản xuất trọng yếu còn lại đều hoàn thành vượt mức kế hoạch 6 tháng từ 2,7 – 33,1%, tăng từ 1,4-21,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Về tài chính, các chỉ tiêu tài chính hầu hết hoàn thành vượt mức kế hoạch 6 tháng từ 20-77% và tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước trong bối cảnh giá bán suy giảm đã ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lọc hóa dầu (biên lợi nhuận hóa dầu giảm 24,9% so với cùng kỳ năm 2023). Tổng doanh thu toàn Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 482,3 nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2023. Nộp ngân sách toàn Tập đoàn ước đạt 71,1 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2023.

Công tác đầu tư cũng được PVN ưu tiên đẩy mạnh cùng với sự hỗ trợ tháo gỡ từ Chính phủ nhằm tháo gỡ các “nút thắt, điểm nghẽn” trong đầu tư tại các dự án trọng điểm. Giá trị giải ngân đầu tư 6 tháng đầu năm ước đạt 15,55 nghìn tỷ đồng, tăng 81,3% so với thực hiện năm 2023.

PVN và các đơn vị thành viên tích cực, tiên phong thực thi chiến lược chuyển dịch năng lượng

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) cho biết theo định hướng phát triển giai đoạn 2025 – 2030 sẽ tích cực cùng với các đơn vị thành viên triển khai thí điểm các dự án sản xuất hydrogen “sạch” sử dụng cho các nhà máy lọc dầu và nhà máy đạm. Đồng thời PVN đang tìm kiếm các nguồn tài chính để đẩy mạnh phát triển các dự án năng lượng sạch và khách hàng có nhu cầu trong nước và khu vực để phát triển thị trường xuất khẩu hydrogen “sạch”. Ngoài ra, Petrovietnam cũng định hướng phát triển lĩnh vực điện gió ngoài khơi sẽ là tiền đề cho việc sản xuất hydrogen xanh.

Petrovietnam phấn đấu đạt tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20% vào năm 2030 và 25 - 30% vào năm 2045; Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt

động năng lượng đạt 15% năm 2030 và 20% năm 2045; Năng lực nhập khẩu LNG đạt 8 tỷ m³/năm 2030 và 15 tỷ m³/năm 2045...

Hiện, tại các nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn đang xây dựng kế hoạch nghiên cứu dài hạn về hydrogen. Hai nhà máy Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau cũng có kế hoạch thử nghiệm sử dụng hydrogen xanh thay thế một phần sản xuất Amoniac.

Để thực hiện được các mục tiêu này, PVN đã và đang xây dựng chiến lược tổng thể phát triển bền vững đến năm 2045, trong đó chú trọng vào đổi mới công nghệ và chuyển dịch năng lượng. PVN cũng đẩy mạnh hợp tác quốc tế như việc hợp tác chiến lược với Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Tập đoàn Equinor về hợp tác phát triển điện gió ngoài khơi và năng lượng tái tạo khác tại Việt Nam.

Tin PVFCCo

PVFCCo trao quyết định bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

Ngày 28/5, PVFCCo tổ chức lễ công bố và trao quyết định bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cho Ông Võ Ngọc Phương, Kế toán Trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 28/05/2024. Ông Võ Ngọc Phương là cán bộ được đào tạo bài bản, có nhiều kinh nghiệm, được trưởng thành và kinh qua nhiều năm, nhiều vị trí công tác tại các Công ty vùng miền và Công ty mẹ PVFCCo, giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính – Kế toán TCT từ năm 2016. Với kinh nghiệm, năng lực chuyên môn, sự tâm huyết với công việc, Ông Võ Ngọc Phương được kỳ vọng sẽ cùng Ban lãnh đạo PVFCCo khẩn trương bắt nhịp công việc trên cương vị mới, tập trung vào các công việc quan trọng như quản trị chi phí, giá thành, dòng tiền, thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận từ cả mảng sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính.

PSW hợp tác chuyển giao kỹ thuật và cung ứng phân bón tại tỉnh Trà Vinh

Theo đó, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo- PSW) đã phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh Trà Vinh triển khai chương trình hợp tác chuyển giao kỹ thuật, cung ứng và hướng dẫn sử dụng phân bón hiệu quả cho bà con nông dân sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Được biết, Trà Vinh là một trong các tỉnh có diện tích sản xuất thuần nông lớn tại ĐBSCL, với diện tích gieo trồng lúa hàng năm của tỉnh Trà Vinh khoảng 227.000ha, 19.000ha cây ăn trái, 4.400ha rau màu. Ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh, Phân bón Phú Mỹ khu vực Tây Nam bộ còn thường xuyên thực hiện các chương trình liên quan dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp xuống tận nơi ruộng vườn với sự tham gia của các diễn giả là nhà khoa học thuộc các Viện, Trường uy tín, gắn bó với nông dân. Mục tiêu là giúp cho cán bộ nông nghiệp, hợp tác xã, bà con nông dân nắm vững kỹ thuật canh tác, sử dụng hiệu quả phân bón, nông được trong sản xuất.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) giúp nâng cao hiệu quả công việc

Ngày 24/4/2024, PVFCCo đã tổ chức buổi workshop "Hướng dẫn Sử dụng AI trong Công việc" tại Văn phòng Tổng Công ty nhằm giúp CBCNV hiểu rõ và áp dụng AI vào công việc hàng ngày. Buổi workshop thể hiện sự nhanh nhạy và bắt kịp sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo (AI) trong thời gian qua của Ban lãnh đạo PVFCCo. Tham gia buổi workshop, các CBCNV phần nào biết sử dụng AI đúng cách có thể tăng cường hiệu suất làm việc bằng cách

tự động hóa các nhiệm vụ lặp lại và đơn điệu, giải phóng thời gian cho con người để tập trung vào các công việc sáng tạo và phức tạp hơn.

Tiếp đó, ngày 26/6/2024, PVFCCo tiếp tục tổ chức khóa đào tạo "Hướng dẫn khai thác AI hiệu quả trong công việc, sử dụng nền tảng AI tạo sinh KamiMind". Mục tiêu của khóa đào tạo là nâng cao hiểu biết về AI và ứng dụng công cụ AI KamiMind để nâng cao hiệu suất công việc. Việc tổ chức khóa đào tạo này là một bước quan trọng trong quá trình chuyển đổi số của PVFCCo. Bằng việc trang bị cho cán bộ những công cụ và kỹ năng sử dụng AI, PVFCCo kỳ vọng sẽ nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của đội ngũ, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Combo Phu My Garden hút khách tại Hội thảo về “Nông nghiệp đô thị – Lợi ích kép cho người dân đô thị”

Ngày 6-7/6/2024 tại TP. HCM, bộ sản phẩm “Phu My Garden” của PVFCCo đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của khách hàng tham dự khổ Hội thảo “Nông nghiệp đô thị – Lợi ích kép cho người dân đô thị”. “Phu My Garden” là bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ chất lượng cao, đáp ứng tiêu chí “Tiện lợi – An toàn – Đẳng cấp”, được đóng gói trong bao bì hiện đại, tiện dụng, nhiều lựa chọn về dung lượng (200g, 500g, 1kg), đặc biệt được “thiết kế, may đo” riêng cho các nhóm cây trồng phổ biến tại thành thị như rau ăn lá, rau ăn củ quả, cây ăn trái, hoa và cây cảnh, với hướng dẫn sử dụng rõ ràng, cụ thể in trên bao bì. Sản phẩm được phân phối rộng rãi tại các cửa hàng vật tư nông nghiệp đô thị, các siêu thị và trên các sàn thương mại điện tử và các kênh bán hàng online khác.

PVFCCo ra mắt dòng sản phẩm NPK Phú Mỹ cho cây mía

Trong tháng 3, PVFCCo đã chính thức “ra lò” dòng sản phẩm NPK Phú Mỹ 20-10-10+TE chuyên dùng cho cây mía, dựa trên cơ sở hoàn thiện công thức phù hợp để tăng hiệu quả chăm sóc cho cây mía. Theo đó, những tấn hàng NPK Phú Mỹ 20-10-10+TE đã đến tay người nông dân trồng mía Khánh Hòa để kịp thời chăm bón cho mùa vụ mới từ ngày 6/3/2024.

Sản phẩm NPK Phú Mỹ 20-10-10+TE có kích thước hạt nhỏ giúp tan nhanh cho cây hấp thụ nhanh chóng, có hàm lượng N cao, P và K cân đối, TE vừa đủ kích thích đâm chồi mạnh, cây giữ màu xanh bền, phục hồi nhanh sau thu hoạch. Kết hợp với NPK 16-16-8+13S+TE, cây mía ra nhánh khỏe, nở bụi, vươn dống/lống tốt hơn... Đặc biệt, sản phẩm còn giúp duy trì cân bằng dinh dưỡng trong đất, giúp cây mía chống chịu thời tiết khắc nghiệt, giúp chúng chịu hạn, chịu gió một cách hiệu quả.

2. Tin thị trường phân bón, hóa chất:

Trung Quốc:

Ngày 12/4/2024, Hiệp hội Công nghiệp Phân bón (CNFA) đã thông báo các nhà sản xuất và kinh doanh phân bón chứa Nitơ có thể liên hệ với hải quan địa phương và nộp đơn xin giấy chứng nhận xuất khẩu Ure của Thanh tra và Kiểm dịch Trung Quốc (CIQ) từ ngày 15/4/2024. Thủ tục CIQ phải được thực hiện tại nhà máy chứ không phải tại cảng xếp hàng. Thời gian xin cấp giấy chứng nhận xuất khẩu Ure dự kiến kết thúc vào ngày 31/8/2024. CNFA cũng lưu ý rằng các nhà sản xuất và phân phối phải đảm bảo nguồn cung trong nước cho vụ mùa xuân và duy trì sự ổn định của giá Urea trong nước.

Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu vẫn hạn chế khi không ghi nhận có lô hàng lượng lớn nào nhận được sự chấp thuận của CIQ để xuất khẩu và khả năng xuất khẩu vào tháng 7 và có lẽ tháng 8

đường như vẫn mờ nhạt. Tính đến đầu tháng 6 vẫn có rất ít sự rõ ràng cũng như không có thông báo chính thức nào về hoạt động xuất khẩu.

Có rất ít khả năng Trung Quốc có thể xuất khẩu Urea trong tháng 7, hoặc thậm chí là tháng 8. Việc kiểm tra hải quan đối với tất cả các sản phẩm Urea vẫn bị tạm dừng kể từ ngày 7/6. Theo Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC), sẽ không có công ty Trung Quốc nào tham gia vào phiên đấu thầu gần nhất mua Urea của Ấn Độ.

Ai Cập cắt giảm sản lượng sản xuất do thiếu nguồn cung khí đốt

Đầu tháng 6, các nhà sản xuất Ai Cập phải đóng cửa các máy hoặc giảm công suất sản xuất Urea do thiếu nguồn cung khí đốt. Theo đó, giá Urea trên tất cả các thị trường thế giới đều tăng nhờ tin tức từ Ai Cập.

Tổng sản lượng sản xuất vẫn ở dưới mức thông thường do các vấn đề về cung cấp khí đốt vẫn đang tiếp diễn. Abu Qir, Helwan, MOPCO, NCIC và EFC đang hoạt động ở mức công suất 60-80%.

Theo Argus ước tính, kể từ khi các nhà sản xuất Ai Cập cắt giảm sản lượng sản xuất 20% từ ngày 20/5 đến ngày 13/6, tổng sản lượng sản xuất của các nhà máy Urea tại Ai Cập giảm khoảng 140-160 nghìn tấn.

Nga thông báo hạn ngạch xuất khẩu phân bón giai đoạn 1/6-30/11/2024

Chính phủ Nga đã gia hạn hạn ngạch đối với xuất khẩu phân bón đến ngày 30/11/2024. Cụ thể, hạn ngạch xuất khẩu phân bón từ ngày 1/6-30/11/2024 là 19,7 triệu tấn, trong đó 12,46 triệu tấn dành cho các loại phân bón gốc Nitơ và 7,28 triệu tấn cho phân bón phức hợp và phân bón gốc Phosphates.

Hạn ngạch cho các loại phân bón gốc Nitơ chính gồm Ure, UAN và Ammonium Nitrate – AN (mã HS 31021010, 31021090, 310280, 31023010 và 31023090) sẽ đạt tổng cộng 12,46 triệu tấn. Trong đó, hạn ngạch cho AN sẽ được giữ ở mức 4,77 triệu tấn.

Hạn ngạch đối với các sản phẩm NPKs, MAP và một số loại NPs có gốc Phosphates (mã HS 31052010, 31052090, 310540 và 310559) đạt tổng cộng 7,28 triệu tấn. Các lô hàng DAP sẽ vẫn được tự do xuất khẩu mà không có hạn ngạch.

Theo Bộ Nội vụ Nga, Chính Phủ đưa ra quyết định về hạn ngạch xuất khẩu nhằm duy trì đủ nguồn cung cho thị trường nội địa và đảm bảo an ninh lương thực của đất nước. Tuy nhiên, xuất khẩu phân bón gốc Nitơ trong năm 2024 có thể thấp hơn năm trước. Trong năm 2023, có 9,48 triệu tấn Urea; 3,15 triệu tấn AN và 1,89 triệu tấn UAN được giao đến các cảng biển để xuất khẩu. Bộ Công Thương sẽ phân bổ hạn ngạch cho các nhà cung cấp. Trước đó, hạn ngạch từ ngày 1/12/2023-31/5/2024 đạt tổng cộng 16,9 triệu tấn.

Nga áp dụng thuế tiêu thụ khí đốt đối với các nhà sản xuất Phân bón:

Bộ tài chính Nga đã đề xuất áp dụng thuế tiêu thụ khí đốt đối với các nhà sản xuất phân bón ở mức trên 8 USD/tấn Urea vào năm 2025. Chính Phủ đang xem xét đánh thuế tiêu thụ đặc biệt 1.200 Rub/1.000 m³ (tương đương 13,40 USD/36 triệu Btu) khí đốt được các nhà sản xuất sử dụng để sản xuất Ammonia vào năm 2025.

Bộ Tài chính Nga đề xuất bãi bỏ thuế xuất khẩu hải quan từ ngày 1/1/2025

Bộ tài chính Nga đã đề xuất bãi bỏ thuế xuất khẩu hải quan từ ngày 1/1/2025, áp dụng cho nhiều mặt hàng khác nhau, bao gồm cả Kali. Tiền thuế có thể dao động trong khoảng 7-10% tùy thuộc vào tỷ giá hối đoái USD/Rub. Bộ cũng đề xuất tăng thuế suất thuế khai thác khoáng

sản (MET). Theo hãng thông tấn nhà nước Tass của Nga, điều này sẽ ảnh hưởng đến các nhà sản xuất Kali.

Bộ khuyến nghị nên tăng thuế đối với những doanh nghiệp có lợi nhuận vượt quá 2 lần trở lên so với mức trung bình trong nền kinh tế là 10-12%. Khuyến nghị rằng tỷ lệ MET đối với các nhà sản xuất Kali nên tăng gấp 2,3 lần và đối với các nhà sản xuất Phosphate tăng gấp 2 lần.

Thuế xuất khẩu phân bón của Nga - áp dụng cho nhiều sản phẩm khác nhau bao gồm các sản phẩm có nguồn gốc từ Phosphate và Nitơ cũng như Kali hiện tại đang phải chịu mức thuế 7% hoặc mức thuế tăng lên 10% tùy thuộc vào tỷ giá hối đoái giữa đồng USD/Rbs. Mức thuế này đã được áp dụng từ ngày 1/10/2023 và tiền thuế được tính theo tỷ giá hối đoái trong tháng bắt đầu từ ngày 26 và kết thúc vào ngày 25 của tháng kế tiếp. Nếu tỷ giá hối đoái trung bình lớn hơn 80 Rbs, mức thuế 10% sẽ được áp dụng. Nếu tỷ giá hối đoái dưới 80 Rbs thì mức thuế 7% sẽ được áp dụng. Với tỷ giá hiện tại thì mức thuế đang là 10%.

Nguồn: PVFCCo tổng hợp

Ban Biên Tập:

Ban lãnh đạo: Ông Nguyễn Xuân Hòa – Chủ tịch HĐQT; Ông Phan Công Thành – Tổng Giám đốc; Ông Võ Ngọc Phương – Phó Tổng Giám đốc

Tổ IR: Ông Trương Thế Vinh – Người UQ Công bố thông tin, kiêm Thư ký TCT, Người công bố thông tin; Ông Phạm Trần Kiên – TB Tổng hợp; Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Chuyên gia về Quan hệ NĐT;

Ban Tài chính – Kế toán: Bà Lâm Thị Bích Ngọc, Bà Lê Thị Thúy Hằng, Bà Trần Xuân Thảo

Ban Kinh doanh: Bà Phùng Thị Tố Uyên, Bà Đỗ Ngọc Minh Hương

Ban Kế hoạch & Đầu tư: Bà Phạm Thị Hà, Bà Nguyễn Thị Nhật

Ban Nghiên cứu phát triển & Thị trường: Bà Vũ Thị Thu Thủy